

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP.ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2023/DS-ST

Ngày: 17 - 11 - 2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Phú Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyen.

Ông Ngô Hồng Khánh.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Ly - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2022/TLST-DS ngày 04/5/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2023/QĐXXST-DS ngày 28/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 83/2023/QĐST-DS ngày 08/11/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị N**, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Thôn T 1, xã H, huyện H, thành phố Đ. Có mặt

- *Bị đơn:* Bà **Lê Thị Ngọc M**, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Thôn Tr, xã H, huyện H, thành phố Đ. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện cũng như quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:** Ngày 20/12/2021, bà Võ Thị N có cho bà Lê Thị Ngọc M vay số tiền 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), bà M hẹn bà N đến ngày 20/01/2022 sẽ trả lại cho bà N số tiền nêu trên. Việc vay tiền được lập thành văn bản theo Giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2021 có chữ ký của bà M. Đồng thời bà M có giao cho bà N 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ 623422 do UBND huyện Hòa Vang cấp ngày 16/03/2011 đứng tên ông Nguyễn Hữu Tước để làm tin. Hết thời hạn thỏa thuận bà N đã nhiều lần yêu cầu bà M thanh toán nhưng bà M không thực hiện, cố tình lẩn tránh bà N. Do đó bà N yêu cầu Tòa án các vấn đề sau đây:

- Buộc bà Lê Thị Ngọc M hoàn trả lại số tiền gốc 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

- Buộc bà Lê Thị Ngọc M phải chịu số tiền lãi tạm tính từ ngày 20/01/2022 đến ngày 20/03/2023 với mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với số tiền: 40.800.000 đồng và tiếp tục buộc bà M chịu lãi suất cho đến ngày Tòa án giải quyết.

**** Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Lê Thị Ngọc M nhưng bà M không liên hệ làm việc với Tòa án nên không có lời trình bày.***

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 274, 275, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N. Buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc M phải thanh toán một lần cho bà Võ Thị N 408.041.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 58.041.000 đồng. Bị đơn bà Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đối với vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Võ Thị N khởi kiện bị đơn bà Lê Thị Ngọc M về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Trước Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Lê Thị Ngọc M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Lê Thị Ngọc M.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N thì thấy: Ngày 20/12/2021, bà Lê Thị Ngọc M lập Giấy mượn tiền có nội dung: “*Bà Lê Thị Ngọc M có mượn của bà Võ Thị N số tiền 350.000.000 đồng. Thời hạn mượn là từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/01/2022*”. Quá trình thực hiện hợp đồng theo bà N khai nhận đến thời hạn trả lại số tiền gốc bà M không thực hiện nghĩa vụ. Bà M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời khai. HĐXX xét thấy: Giấy mượn tiền nêu trên thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 117, 118 và Điều 463 Bộ luật dân sự nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét nội dung giao dịch nêu trên thì thấy: Đây là hợp đồng vay có xác định thời hạn và các bên không có thỏa thuận về lãi suất. Thời hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng là ngày 20/01/2022. Hết thời hạn nêu trên, bà M chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền gốc 350.000.000 đồng vì vậy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại 274, 275, 280 và Điều 466 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở được HĐXX chấp nhận.

Về yêu cầu tính số tiền lãi do chậm thanh toán: Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu HĐXX buộc bị đơn bà Lê Thị Ngọc M phải có nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày 21/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/9/2023) với mức lãi suất là 10%/năm. Số tiền mà nguyên đơn yêu cầu là: 350.000.000 đồng x 10%/năm x 01 năm 07 tháng 27 ngày = 58.041.000 đồng. HĐXX thấy rằng: Nghĩa vụ chịu lãi suất của bà M phát sinh kể từ ngày bà M có nghĩa vụ thanh toán số tiền gốc. Do các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nên bà M phải chịu số tiền lãi do chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Mức lãi suất và thời gian yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích nhận định nêu trên, HĐXX xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N. Buộc bà Lê Thị Ngọc M có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng số tiền 408.041.000 đồng. Trong đó số tiền gốc là 350.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 58.041.000 đồng.

[2.2] Về án phí DSST:

[2.3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng được HĐXX xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Các Điều 274, 275, 280, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị N.

1.1. Buộc bà Lê Thị Ngọc M phải thanh toán cho bà Võ Thị N số tiền 408.041.000 đồng (*Bốn trăm lẻ tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng*). Trong đó số tiền gốc là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi nghìn đồng*) và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 18/9/2023 là 58.041.000 đồng (*Năm mươi tám triệu, không trăm bốn mươi một nghìn đồng*).

1.2. Từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Võ Thị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Lê Thị Ngọc M phải thanh toán, nếu bà Lê Thị Ngọc M không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại Điều 468 BLDS.

2. Về án phí DSST: Bị đơn bà Lê Thị Ngọc M phải chịu án phí DSST là: 20.321.000 đồng (*Hai mươi triệu, ba trăm hai mươi một nghìn đồng*). Hoàn trả cho nguyên đơn bà Võ Thị N số tiền tạm ứng án phí 9.950.000 đồng (*Chín triệu, Chín trăm năm mươi nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0009937 ngày 25/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố ĐN.
- VKS ND thành phố Đ.N
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Phú Đạt

.

